TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09/5/2023
"V/v: ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hồng Minh.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số thụ lý số: 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 /3/2023, giữa:

- ***Nguyên đơn***: Chị Trương Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: 09 Trần Phú, Tổ 3, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** Anh Lê Mộng H, sinh năm 1984; địa chỉ: 09 Trần Phú, Tổ 3, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị T trình bày: Tôi và anh H tự nguyện kết hôn nhau năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Tôi và anh H chung sống hạnh phúc được 15 năm thì xảy ra mẫu thuẫn dẫn đến kình cãi, tuy nhiên hiện tình cảm không còn nên tôi yêu cầu ly hôn với anh H.

Về nuôi con: Tôi yêu cầu trực tiếp nuôi 03 con chung là cháu Lê Đăng Q, sinh ngày 26/7/2009; cháu Lê Đăng C, sinh ngày 16/10/2012 và cháu Lê Đăng Bảo, sinh ngày 01/11/2018.

Tôi không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tôi không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

- **Bị đơn anh Lê Mộng H trong biên bản hòa giải trình bày**: Tôi và chị Trương Thị T tự nguyện kết hôn nhau năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Tôi và chị T chung sống hạnh phúc được 15 năm thì xảy ra mẫu thuẫn dẫn đến kình cãi, tuy nhiên hiện tình cảm vẫn còn nên tôi không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Hiện tôi và chị T đã không còn chung sống như vợ chồng được hơn 01 tháng, từ sau mồng 10 tết.

Về con chung: Tôi và anh chị T có 03 con chung là cháu Lê Đăng Q, sinh ngày 26/7/2009; cháu Lê Đăng C, sinh ngày 16/10/2012; cháu Lê Đăng Bảo, sinh ngày 01/11/2018.

Nếu chị T cương quyết ly hôn thì tôi đồng ý giao cho chị T trực tiếp nuôi cả 03 cháu, tôi không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và chị T tự thỏa thuận, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị T yêu cầu ly hôn với anh H, trú tại: Tổ 3, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai, theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS), thì đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, không lý do, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị T và anh H có nhiều mâu thuẫn và hiện không ở cùng nhau, không còn thương yêu, tôn trọng, lo lắng cho nhau nữa, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H, anh H cho rằng anh còn yêu thương chị T, nhưng nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Đây là điều không cần phải chứng minh. Như vậy, chị T yêu cầu được ly hôn là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có 03 con chung là cháu Lê Đăng Q, sinh ngày 26/7/2009; cháu Lê Đăng C, sinh ngày 16/10/2012; cháu Lê Đăng Bảo, sinh ngày 01/11/2018. Hiện nay cả 03 cháu ở với chị T, chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H cũng đồng ý giao 03 con chung cho chị T nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: nguyện vọng được nuôi con chung của chị T là chính đáng, đã được anh H đồng ý và phù hợp với nguyện vọng của cháu Quang, Huy trong bản trình bày ý kiến của cháu. Nên giao chị T nuôi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu và anh H cũng không tự nguyện cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T và anh H cho biết đều không yêu cầu Tòa giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trương Thị T ly hôn với anh Lê Mộng H.

2. Về con chung: giao cháu Lê Đăng Q, sinh ngày 26/7/2009; cháu Lê Đăng C, sinh ngày 16/10/2012; cháu Lê Đăng Bảo, sinh ngày 01/11/2018 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, khi các cháu chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom con cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3.Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không xem xét.

4.Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T và anh H đều không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006562 ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (09/5/2023) các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND TX A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND phường P, TX A;
  (để ghi vào sổ hộ tịch; Số ĐKKH 63/2008);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Long Sơn